

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HÓA  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HSST

Ngày 12/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Mạnh Hùng.

2. Bà Trương Thị Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C1.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C1 tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên VKSND huyện C1.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/TLST - HS ngày 03 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**Sầm Văn T (tên gọi khác: C)**, sinh ngày 04/4/2000 tại huyện C1, tỉnh T2ên Quang; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Thôn N, xã T1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Sầm Văn T2 và bà Quan Thị N1; vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 19/8/2020 bị Ủy ban nhân dân xã T1 ra Quyết định số 41/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do nghiện ma túy (thời hạn từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/11/2020).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt tại phiên tòa)

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Vũ Thanh T3 - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt tại phiên tòa)

\* *Bị hại:* Anh Ma Đình V, sinh ngày 20/8/2003 (có mặt tại phiên tòa).

Do bà Phùng Thị H, sinh năm 1974 (mẹ đẻ) làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền ông Ma Đình C2; sinh năm 1973. Trú tại: Thôn N2, xã T1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại phiên tòa*).

Cùng trú tại: Thôn N2, xã T1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại phiên tòa*).

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Ma Đình C2; sinh năm 1973. Trú tại: Thôn N2, xã T1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*có mặt tại phiên tòa*).

*\* Người làm chứng:*

Bà Lý Thị T4; sinh năm 1980. Trú tại: Thôn N3, xã H1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, Sầm Văn T sinh năm 2000, trú tại thôn N, xã T1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang, đi nhờ xe mô tô của người đi đường không quen biết đến nhà anh Ma Văn T5, sinh năm 1997, trú tại thôn N3, xã H1, huyện C1 chơi. Sau đó, T ra khu vực cổng trường Trung học phổ thông H1 có nhặt được một chiếc chìa khóa xe mô tô nên T nảy sinh ý định dùng chiếc chìa khóa xe mô tô này để trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T đi qua trước nhà bà Lý Thị T4, sinh năm 1980, trú tại thôn N3, xã H1, huyện C1 quan sát thấy có nhiều xe mô tô của học sinh để ở sân trước cửa nhà bà T4, không có người trông coi, T đi đến ngồi lên yên xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đen - bạc, biển số đăng ký 22F1-084.44 của anh Ma Đình C2, sinh năm 1973, trú tại thôn N2, xã T Mỹ, huyện C1 cho cháu Ma Đình V (con anh C2), sinh năm 2003 làm phương tiện đi học tại trường THPT H1. T cắm chiếc chìa khóa vừa nhặt được vào ổ khóa điện của xe mô tô thì mở được khóa điện và có thể khởi động được xe. T quay xe thì chị Lý Thị T4 ở nhà nhìn thấy và hỏi "*Cháu lấy xe của ai thế*", T trả lời "*Cháu mượn xe của thằng em, khi nào em nó nghỉ học, cô bảo nó đợi cháu một lúc*", nói xong T nổ máy xe rồi điều khiển xe đi H2, khi đi đến gần Trung tâm Thương mại M, thuộc huyện M, thành phố H2, T lấy điện thoại di động (dùng sim rác, hiện không còn điện thoại và sim, không nhớ số điện thoại) gọi cho một người đàn ông tên N4 (không rõ họ, địa chỉ, là bạn nghiện T đã quen từ trước) nhờ tìm chỗ bán xe, N4 đưa T sang thị xã T6, tỉnh B bán xe cho một người đàn ông không quen biết được 900.000 đồng, N4 giữ lại 500.000đ và đưa cho T 400.000 đồng, số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C1 kết luận: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA,

loại xe Wave Alpha, màu sơn đen - bạc, BKS 22F1-084.44 tại thời điểm tháng 9/2020 trị giá **4.050.000đ** (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C1 đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Ngoài ra, quá trình điều tra T còn khai nhận bản thân nghiện ma túy, tại biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy hồi 10 giờ 00 phút ngày 20/11/2020, tại Công an huyện C1 đối với Sầm Văn T, kết quả: (+) Dương tính với chất ma túy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan ông Ma Đình C2 yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô bị mất số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), không yêu cầu bồi thường các chi phí khác. Nếu bị cáo không nhất trí bồi thường số tiền trên thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, Tại Cáo trạng Số 13/CT-VKSCH ngày 03/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C1 truy tố bị cáo Sầm Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung đã khai tại giai đoạn điều tra, không phát sinh tình tiết mới; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C1 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (người phạm tội là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sầm Văn T từ 08 tháng đến 01 năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2020.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Sầm Văn T (tên gọi khác: C) trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ma Đình C2 số tiền theo kết luận định giá tài sản là 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và Tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

\* *Người bào chữa cho bị cáo là bà Vũ Thanh T3 có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Sầm Văn T mức khởi điểm của khung hình phạt; không áp dụng hình phạt bổ sung với bị*

cáo. Đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường theo kết luận định giá.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung kết luận điều tra và bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/9/2020, tại thôn N3, xã H1, huyện C1, tỉnh Tuyên Quang, Sầm Văn T, trú tại thôn N, xã T1, huyện C1 đã có hành vi Trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha, màu sơn đen - bạc, biển kiểm soát 22F1-084.44 của anh Ma Đình V (do ông Ma Đình C2 sinh năm 1973, trú tại thôn N2, xã T1, huyện C1 làm chủ sở hữu) trị giá **4.050.000** đồng (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về quyền sở hữu tài sản của công dân, Bị cáo có đủ năng lực nhận thức, phạm tội do lỗi cố ý, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung, do đó áp dụng khoản 1 Điều 38 bộ luật Hình sự đối với bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng: không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, sau khi phạm tội bị cáo đi khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra. Ngày 19/8/2020 bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã T1 ra Quyết định số 41/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã do nghiện ma túy (*thời hạn từ ngày 19/8/2020 đến ngày 19/11/2020*), bị cáo phạm tội trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo nên cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Khi phạm tội, bản thân bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy bị cáo T một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại V, do ông Ma Đình C2 là chủ sở hữu, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Đình C2 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị mất, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo cơ quan định giá tài sản kết luận, số tiền là 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) là phù hợp.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Cần áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo là dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng, nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị cáo; người bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Vấn đề khác: Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Cơ quan Công an huyện C1 đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Đối

với người bán ma túy cho Sầm Văn T, do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông tên N4 cùng Sầm Văn T mang tài sản do trộm cắp mà có đi tiêu thụ và người đàn ông mua xe của T, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Ma Đình V, sinh ngày 20/8/2003 là người sử dụng phương tiện, tính đến thời điểm bị mất trộm xe ngày 24/9/2020, V được 17 tuổi 01 tháng 04 ngày, chưa đủ tuổi lái xe có dung tích từ 50Cm<sup>3</sup> trở lên khi tham gia giao thông và ông Ma Đình C2 (bố đẻ của Ma Đình V) giao xe cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ. Ngày 19/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C1 đã chuyển toàn bộ tài liệu đến Công an huyện C1 xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Sầm Văn T (tên gọi khác: C) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Sầm Văn T (tên gọi khác: C) 09 (Chín) tháng tù.

Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2020.

#### **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự: Buộc Bị cáo Sầm Văn T (tên gọi khác: C) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Ma Đình C2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện cho bị hại Ma Đình V số tiền 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14: Bị cáo T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

**4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:** Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người bị hại, người đại diện cho bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày T2ên án sơ thẩm (ngày 12/3/2021).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CI;
- Cơ quanĐT CA huyện CI;
- Cơ quan THAHS CA huyện CI;
- Chi cục THADS huyện CI;
- Phòng HSNV, CA tỉnh TQ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Bích Ngọc**









